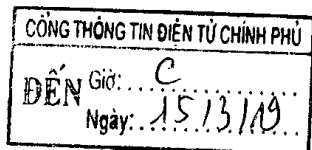


CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2019

**NGHỊ ĐỊNH****Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ***Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;**Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.***Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ về hệ thống số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia; cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia; xây dựng, vận hành, bảo trì và bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; lưu trữ, bảo mật, cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ; xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia; giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ.

2. Trạm thu dữ liệu viễn thám, dữ liệu ảnh viễn thám tuân thủ quy định của Nghị định này và quy định của Nghị định về hoạt động viễn thám; trường hợp có sự khác nhau giữa Nghị định này và Nghị định về hoạt động viễn thám thì thực hiện theo quy định tại Nghị định về hoạt động viễn thám.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ; khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ; hoặc hoạt động khác có liên quan đến đo đạc và bản đồ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trạm tham chiếu cơ sở hoạt động liên tục là trạm định vị vệ tinh phục vụ xây dựng hệ tọa độ quốc gia, hệ tọa độ quốc gia động, liên kết hệ tọa độ quốc gia với hệ tọa độ quốc tế phục vụ nghiên cứu khoa học, cung cấp số cải chính giá trị tọa độ, độ cao cho hoạt động đo đạc và bản đồ, dẫn đường.

2. Trạm tham chiếu hoạt động liên tục là trạm định vị vệ tinh cung cấp số cải chính giá trị tọa độ, độ cao cho hoạt động đo đạc và bản đồ, dẫn đường.

3. Điểm đo đạc quốc gia là điểm gắn với mốc đo đạc quốc gia, có ít nhất một trong các giá trị tọa độ, độ cao, trọng lực, được thiết lập theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

4. Mô hình geoid là mô hình mặt trọng trường Trái Đất, trên đó thế trọng trường ở mọi điểm có giá trị bằng nhau. Mô hình geoid trùng với bề mặt nước biển trung bình trên các đại dương, giả định kéo dài qua các lục địa; được sử dụng trong xác định độ cao và nghiên cứu khoa học về Trái Đất.

5. Phương pháp đo đạc và bản đồ là cách thức thu nhận, xử lý thông tin, dữ liệu về vị trí, hình dạng, kích thước và thông tin thuộc tính của đối tượng địa lý để xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu địa lý và thành lập bản đồ.

Điều 4. Báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Đối tượng lập báo cáo hàng năm về hoạt động đo đạc và bản đồ gồm bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức có hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Báo cáo được gửi bằng văn bản điện tử có chữ ký số của người có thẩm quyền hoặc văn bản giấy do người có thẩm quyền ký và đóng dấu.

4. Trách nhiệm lập và gửi báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ

a) Tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ gửi cơ quan chủ quản trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo. Nội dung báo cáo lập theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ gửi cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nội dung báo cáo lập theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường thông qua cơ quan quản lý chuyên ngành về đo đạc và bản đồ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo. Nội dung báo cáo lập theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Cơ quan quản lý chuyên ngành về đo đạc và bản đồ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường lập báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ trên phạm vi cả nước trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ký, gửi Chính phủ trong thời hạn 45 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo.

5. Ngoài việc thực hiện báo cáo định kỳ, khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ thì cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ theo yêu cầu.

6. Cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu trong báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ của mình.

Chương II

HỆ THỐNG SỐ LIỆU CÁC MẠNG LƯỚI ĐO ĐẠC QUỐC GIA

Điều 5. Số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia

1. Mạng lưới tọa độ quốc gia là hệ thống điểm đo đạc quốc gia có giá trị tọa độ không gian được liên kết tạo thành mạng lưới thống nhất, phủ trùm trên toàn quốc, được thiết lập theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật theo mốc thời gian để xác định và truyền hệ tọa độ quốc gia. Căn cứ vào mật độ và độ chính xác xác định giá trị tọa độ, mạng lưới tọa độ quốc gia được chia thành lưới tọa độ cấp 0, lưới tọa độ hạng I, lưới tọa độ hạng II, lưới tọa độ hạng III.

2. Số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia là tập hợp giá trị tọa độ không gian của các điểm đo đạc quốc gia được thiết lập trong quá trình xây dựng mạng lưới tọa độ quốc gia, được sử dụng thống nhất trong phạm vi toàn quốc phục vụ hoạt động đo đạc và bản đồ và nghiên cứu khoa học.

3. Tọa độ của điểm trong lưới tọa độ cấp 0 được tính trong hệ tọa độ quốc gia và hệ tọa độ quốc tế.

4. Khi thay đổi hệ tọa độ quốc gia, số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia phải được thiết lập lại.

Điều 6. Số liệu của mạng lưới độ cao quốc gia

1. Mạng lưới độ cao quốc gia là hệ thống điểm đo đạc quốc gia có giá trị độ cao được liên kết tạo thành mạng lưới thống nhất, phủ trùm trên toàn quốc, được thiết lập theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật

theo mốc thời gian để xác định và truyền hệ độ cao quốc gia. Căn cứ vào mật độ và độ chính xác xác định giá trị độ cao, mạng lưới độ cao quốc gia được chia thành lưới độ cao hạng I, lưới độ cao hạng II, lưới độ cao hạng III.

2. Lưới độ cao hạng I và lưới độ cao hạng II được đo lặp theo chu kỳ 19 năm. Đối với các điểm trong mạng lưới độ cao quốc gia ở những khu vực có nền đất yếu, chịu nhiều ảnh hưởng của phát triển kinh tế - xã hội, chu kỳ đo lặp được rút ngắn tùy theo mức độ ảnh hưởng và do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Mô hình geoid sử dụng cho lãnh thổ Việt Nam được xây dựng trên cơ sở chỉnh lý mô hình geoid toàn cầu theo số liệu trọng lực trên lãnh thổ Việt Nam để phục vụ việc xác định độ cao và nghiên cứu khoa học về Trái Đất.

4. Số liệu của mạng lưới độ cao quốc gia gồm tập hợp giá trị độ cao của các điểm độ cao quốc gia được thiết lập trong quá trình xây dựng mạng lưới độ cao quốc gia được sử dụng thống nhất trong phạm vi cả nước phục vụ hoạt động đo đạc và bản đồ và nghiên cứu khoa học.

Điều 7. Số liệu của mạng lưới trọng lực quốc gia

1. Mạng lưới trọng lực quốc gia là hệ thống điểm đo đặc quốc gia có giá trị gia tốc lực trọng trường được liên kết tạo thành mạng lưới thống nhất, phủ trùm trên toàn quốc, được thiết lập theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật theo mốc thời gian để xác định và truyền hệ trọng lực quốc gia. Căn cứ vào mật độ và độ chính xác xác định giá trị gia tốc lực trọng trường, mạng lưới trọng lực quốc gia bao gồm mạng lưới điểm trọng lực cơ sở, mạng lưới trọng lực hạng I và hạng II.

2. Số liệu của mạng lưới trọng lực quốc gia là tập hợp giá trị gia tốc lực trọng trường của các điểm trọng lực quốc gia được thiết lập trong quá trình xây dựng mạng lưới trọng lực quốc gia, được sử dụng thống nhất trong phạm vi toàn quốc phục vụ hoạt động đo đạc và bản đồ và nghiên cứu khoa học.

3. Lưới trọng lực quốc gia được đo lặp theo chu kỳ 10 năm.

4. Khi có sự biến động trong hệ thống trọng lực quốc gia thì số liệu của mạng lưới hệ thống trọng lực quốc gia phải được thiết lập lại.

Điều 8. Số liệu của mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia

1. Mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia là hệ thống các trạm định vị vệ tinh quốc gia được liên kết thành mạng lưới thống nhất, phủ trùm trên toàn quốc trong hệ tọa độ quốc gia; được xây dựng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật. Mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia bao gồm hệ thống trạm tham chiếu cơ sở hoạt động liên tục và hệ thống trạm tham chiếu hoạt động liên tục.

2. Số liệu của mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia bao gồm giá trị tọa độ, độ cao, trọng lực của các trạm định vị vệ tinh quốc gia được thiết lập trong quá trình xây dựng mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia, được sử dụng để xây dựng hệ tọa độ quốc gia, hệ tọa độ quốc gia động, liên kết hệ tọa độ quốc gia với hệ tọa độ quốc tế, phục vụ nghiên cứu khoa học, phục vụ hoạt động đo đạc và bản đồ, dẫn đường và các hoạt động khác.

Điều 9. Công bố số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thiện hệ thống số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Luật Đo đạc và bản đồ có hiệu lực để công bố sử dụng thống nhất trong toàn quốc.

2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công bố hệ thống số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia theo quy định trong thời hạn 30 ngày sau khi phê duyệt hoàn thành.

3. Nội dung công bố số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia bao gồm:

a) Số lượng điểm, sơ đồ và độ chính xác của các mạng lưới đo đạc quốc gia, mô hình geoid áp dụng cho lãnh thổ Việt Nam;

b) Hướng dẫn sử dụng số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia.

Chương III

CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU NỀN ĐỊA LÝ QUỐC GIA VÀ HỆ THỐNG BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH QUỐC GIA

Điều 10. Nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia

1. Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia là tập hợp dữ liệu nền địa lý được xây dựng trong hệ tọa độ quốc gia, hệ độ cao quốc gia theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật để sử dụng thống nhất trong cả nước, gồm các dữ liệu thành phần sau đây:

a) Dữ liệu cơ sở đo đạc là dữ liệu về các điểm tọa độ, độ cao sử dụng trong quá trình đo đạc, thu nhận, xử lý dữ liệu địa lý;

b) Dữ liệu địa hình là dữ liệu độ cao, độ sâu mô tả hình dạng, đặc trưng của bề mặt Trái Đất bao gồm điểm độ cao, điểm độ sâu, đường đồng mức nối các điểm có cùng giá trị độ cao, đường mô tả đặc trưng địa hình và các dạng địa hình đặc biệt;

c) Dữ liệu thủy văn là dữ liệu về hệ thống sông, suối, kênh, mương, biển, hồ, ao, đầm, phá, nguồn nước, đường bờ nước, các đối tượng thủy văn khác;